|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**  **TỐI CAO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH**

**DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**VỚI BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015[[1]](#footnote-2)**

**Tổng số sửa đổi, bổ sung 108 điều/ 510 điều**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015**  **(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2021, 2024)** | **DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ** | **THUYẾT MINH** |
|  | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  1. Trong Bộ luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  …  2. Trong Bộ luật này, những từ ngữ dưới đây được gọi như sau:  *a) Cơ quan điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Cơ quan điều tra cấp huyện.*  b) Cơ quan điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Cơ quan điều tra cấp tỉnh.  c) Cơ quan điều tra quân sự quân khu và tương đương sau đây gọi là Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu.  *d) Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.*  đ) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.  e) Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương sau đây gọi là Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu.  *g) Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp huyện.*  h) Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.  i) Tòa án quân sự quân khu và tương đương sau đây gọi là Tòa án quân sự cấp quân khu. | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  1. Trong Bộ luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  …  ***p) Viện kiểm sát có thẩm quyền là Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án.***  2. Trong Bộ luật này, những từ ngữ dưới đây được gọi như sau:  *~~a) Cơ quan điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Cơ quan điều tra cấp huyện.~~*  *b)* Cơ quan điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Cơ quan điều tra cấp tỉnh.  c) Cơ quan điều tra quân sự quân khu và tương đương sau đây gọi là Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu.  *~~d) Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.~~*  đ) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.  e) Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương sau đây gọi là Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu.  *~~g) Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp huyện.~~*  h) Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.  i) Tòa án quân sự quân khu và tương đương sau đây gọi là Tòa án quân sự cấp quân khu. | - Bổ sung điểm p vào khoản 1 giải thích đối với Viện kiểm sát có thẩm quyền để có thể sử dụng chung trong một số điều luật.  - Bãi bỏ các điểm a, d, g khoản 2 Điều 4 do hiện không tổ chức cấp huyện. |
|  | **Điều 20. Trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự**  Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội. | **Điều 20. Trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự**  Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.  ***Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân mỗi cấp trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự theo quy định của Bộ luật này.*** | Bổ sung việc giao cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về trách nhiệm của VKSND các cấp để bảo đảm sự linh hoạt, chủ động, đồng thời cũng phù hợp với thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Viện trưởng VKSND tối cao (Điều 17 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025[[2]](#footnote-3)). |
|  | **Điều 35. Cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**  ...  2. Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm:  a) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục trinh sát *biên phòng*; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đồn trưởng, Phó Đồn trưởng Đồn biên phòng; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng;  b) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Hải quan gồm *Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục* điều tra chống buôn lậu; *Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục* kiểm tra sau thông quan; *Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*; *Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục* Hải quan cửa khẩu;  c) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của *Kiểm lâm* gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục *Kiểm lâm*; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục *Kiểm lâm*; Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng Hạt *Kiểm lâm*;  d) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát biển gồm Tư lệnh, Phó Tư lệnh Cảnh sát biển; Tư lệnh vùng, Phó Tư lệnh vùng Cảnh sát biển; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy; Hải đoàn trưởng, Phó Hải đoàn trưởng; Hải đội trưởng, Phó Hải đội trưởng; Đội trưởng, Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển;  đ) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của *Kiểm ngư* gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục *Kiểm ngư*; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục *Kiểm ngư* vùng;  e) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Công an nhân dân gồm Giám đốc, Phó giám đốc Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy; Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân, Giám thị, Phó Giám thị Trại giam theo quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự;  g) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân gồm Giám thị, Phó Giám thị Trại giam; Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương.  h) Cán bộ điều tra thuộc các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này. | **Điều 35. Cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**  ...  2. Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm:  a) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục trinh sát *~~biên phòng~~*; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm; ***Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn trinh sát;*** Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đồn trưởng, Phó Đồn trưởng Đồn biên phòng; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng;  b) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Hải quan gồm *~~Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục~~* ***Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục*** Điều tra chống buôn lậu; *~~Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục~~* ***Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục*** Kiểm tra sau thông quan; *~~Cục trưởng~~*~~,~~ *~~Phó Cục trưởng~~* ***Chi cục*** ***trưởng, Phó Chi cục*** ***trưởng*** *~~Cục~~**~~Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương~~* ***Chi cục Hải quan khu vực***; *~~Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục~~* ***Đội trưởng, Phó Đội trưởng*** Hải quan cửa khẩu;  c) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Kiểm lâm gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục ***Lâm nghiệp và*** Kiểm lâm; ***Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục*** ***Kiểm lâm vùng,*** Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm;  d) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát biển gồm Tư lệnh, Phó Tư lệnh Cảnh sát biển; Tư lệnh vùng, Phó Tư lệnh vùng Cảnh sát biển; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật; ***Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn trinh sát;*** Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy; Hải đoàn trưởng, Phó Hải đoàn trưởng; Hải đội trưởng, Phó Hải đội trưởng; Đội trưởng, Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển***.***  đ) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Kiểm ngư gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục ***Thủy sản và*** Kiểm ngư; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;  e) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Công an nhân dân gồm ~~Giám đốc, Phó giám đốc Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy;~~ Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân, Giám thị, Phó Giám thị Trại giam theo quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự;  g) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân gồm Giám thị, Phó Giám thị Trại giam; Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương.  h) Cán bộ điều tra thuộc các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này. | - Bỏ cụm từ “Biên phòng” tại điểm a khoản 2 (Đề nghị của VKS quân sự Trung ương Công văn số 98/VKS-P8 ngày 02/4/2025).  - Bổ sung “Đoàn trưởng đoàn trinh sát của Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển” theo đề nghị của Bộ Quốc phòng tại Công văn số 1455/BQP-VP ngày 25/3/2025.  - Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ Ngày 24/02/2025quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan; Quyết định số 955/QĐ- BTC ngày 05/03/2025 và Quyết định số 968/QĐ- BTC ngày 05/03/2025, Quyết định số 966/QĐ- BTC ngày 05/03/2025 của Bộ Tài chính, Quyết định số 20/QĐ-CHQ ngày 05/03/2025 của Cục Hải quan chuyển Tổng cục Hải quan thành Cục Hải quan; chuyển các cục thành chi cục; thành lập 22 chi cục hải quan khu vực; chuyển chi cục hải quan cửa khẩu thành các đội thuộc chi cục hải quan khu vực.  - Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Cục Lâm nghiệp và Cục Kiểm lâm; Cục Thủy sản và Kiểm ngư là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Cục Thủy sản và Cục Kiểm ngư  - Chỉnh sửa điểm e khoản 2 để thống nhất với việc đã bỏ Giám đốc, Phó giám đốc Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy. |
|  | **Điều 71. Trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng**  1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật này.  Trường hợp người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho họ quyền được trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếnhành tố tụng thông báo cho *Trung tâm* trợ giúp pháp lý nhà nước. | **Điều 71. Trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng**  1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật này.  Trường hợp người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho họ quyền được trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếnhành tố tụng thông báo cho *~~Trung tâm~~* ***tổ chức*** trợ giúp pháp lý nhà nước. | Quyết định số 672/QĐ-BTP ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật đã đổi tên Trung tâm trợ giúp pháp lý thành Trung tâm thông tin pháp luật và hỗ trợ, trợ giúp pháp lý, do đó cần sửa thành Đơn vị trợ giúp pháp lý nhà nước để bảo đảm tính ổn định. |
|  | **Điều 75. Lựa chọn người bào chữa**  ...  4. Người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận *từ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương* trở lên cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình. | **Điều 75. Lựa chọn người bào chữa**  ...  4. Người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận *~~từ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương trở lên~~* cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình. | Bỏ cụm từ “từ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương trở lên” do không tổ chức cấp huyện. |
|  | **Điều 76. Chỉ định người bào chữa**  **...**  2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải yêu cầu hoặc đề nghị các tổ chức sau đây cử người bào chữa cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này:  a) Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử người bào chữa;  b) *Trung tâm* trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý;  c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cử bào chữa viên nhân dân bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình. | **Điều 76. Chỉ định người bào chữa**  **...**  2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải yêu cầu hoặc đề nghị các tổ chức sau đây cử người bào chữa cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này:  a) Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử người bào chữa;  b) *~~Trung tâm~~* ***Tổ chức*** trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý;  c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cử bào chữa viên nhân dân bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình. | - Quyết định số 672/QĐ-BTP ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật đã đổi tên Trung tâm trợ giúp pháp lý thành Trung tâm thông tin pháp luật và hỗ trợ, trợ giúp pháp lý, do đó cần sửa thành Đơn vị trợ giúp pháp lý nhà nước để bảo đảm tính ổn định. |
|  | **Điều 78. Thủ tục đăng ký bào chữa**  ...  3. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại Điều 76 của Bộ luật này thì người bào chữa xuất trình các giấy tờ:  ...  b) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;  c) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của *Trung tâm* trợ giúp pháp lý nhà nước. | **Điều 78. Thủ tục đăng ký bào chữa**  ...  3. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại Điều 76 của Bộ luật này thì người bào chữa xuất trình các giấy tờ:  ...  b) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;  c) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của *~~Trung tâm~~* ***tổ chức*** trợ giúp pháp lý nhà nước. | - Sửa đổi điểm c khoản 3 để phù hợp với Quyết định số 672/QĐ-BTP ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. |
|  | **Điều 110. Giữ người trong trường hợp khẩn cấp**  …  4. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn.  Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho *Viện kiểm sát* *cùng cấp* kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn. | **Điều 110. Giữ người trong trường hợp khẩn cấp**  …  4. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn.  Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho *Viện kiểm sát* *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn. | - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp hoặc” ở đoạn 1 khoản 4 Điều 110.  - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” tại đoạn 2 khoản 4 Điều 110. |
|  | **Điều 111. Bắt người phạm tội quả tang**  **…**  3. Trường hợp Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an phát hiện bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang thì thu giữ, tạm giữ vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật; giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. | **Điều 111. Bắt người phạm tội quả tang**  **…**  3. Trường hợp Công an ***cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~, Đồn Công an phát hiện bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang thì thu giữ, tạm giữ vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật; giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. | Do không còn Công an thị trấn, Luật hóa Điều 5 TTLT số 02/2025. |
|  | **Điều 112. Bắt người đang bị truy nã**  …  3. Trường hợp Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an phát hiện bắt giữ, tiếp nhận người đang bị truy nã thì thu giữ, tạm giữ vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu; giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. | **Điều 112. Bắt người đang bị truy nã**  …  3. Trường hợp Công an ***cấp*** xã, ~~phường, thị trấn,~~ Đồn Công an phát hiện bắt giữ, tiếp nhận người đang bị truy nã thì thu giữ, tạm giữ vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu; giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. | Do không còn Công an thị trấn, Luật hóa Điều 5 TTLT số 02/2025. |
|  | **Điều 113. Bắt bị can, bị cáo để tạm giam**  1. Những người sau đây có quyền ra lệnh, quyết định bắt bị can, bị cáo để tạm giam:  a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn trước khi thi hành;  b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp;  c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử.  2. Lệnh bắt, quyết định phê chuẩn lệnh, quyết định bắt phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị bắt; lý do bắt và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.  Người thi hành lệnh, quyết định phải đọc lệnh, quyết định; giải thích lệnh, quyết định, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt; giao lệnh, quyết định cho người bị bắt.  Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người khác chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó làm việc, học tập phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành bắt người. | **Điều 113. Bắt bị can, bị cáo để tạm giam**  1. Những người sau đây có quyền ra lệnh, quyết định bắt bị can, bị cáo để tạm giam:  a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn trước khi thi hành;  b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp;  c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; ***Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao;*** Hội đồng xét xử.”.  2. Lệnh bắt, quyết định phê chuẩn lệnh, quyết định bắt phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị bắt; lý do bắt và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.  Người thi hành lệnh, quyết định phải đọc lệnh, quyết định; giải thích lệnh, quyết định, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt; giao lệnh, quyết định cho người bị bắt.  Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ và người khác chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó làm việc, học tập phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi tiến hành bắt người. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”.  - Bổ sung thẩm quyền ra lệnh, quyết định bắt bị can, bị cáo để tạm giam của Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.  - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” tại khoản 2 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 114. Những việc cần làm ngay sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ, bị bắt**  …  2. …  Trường hợp cơ quan đã ra quyết định truy nã không thể đến nhận ngay người bị bắt thì sau khi lấy lời khai, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải ra ngay quyết định tạm giữ và thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy nã biết; nếu đã hết thời hạn tạm giữ mà cơ quan ra quyết định truy nã vẫn chưa đến nhận thì Cơ quan điều tra nhận người bị bắt gia hạn tạm giữ và gửi ngay quyết định gia hạn tạm giữ kèm theo tài liệu liên quan cho Viện kiểm sát *cùng cấp* để xét phê chuẩn.  Trường hợp không thể đến nhận ngay người bị bắt thì cơ quan đã ra quyết định truy nã có thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam và gửi lệnh tạm giam đã được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn cho Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Sau khi nhận được lệnh tạm giam, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải giải ngay người đó đến Trại tạm giam nơi gần nhất. | **Điều 114. Những việc cần làm ngay sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ, bị bắt**  …  2. …  Trường hợp cơ quan đã ra quyết định truy nã không thể đến nhận ngay người bị bắt thì sau khi lấy lời khai, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải ra ngay quyết định tạm giữ và thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy nã biết; nếu đã hết thời hạn tạm giữ mà cơ quan ra quyết định truy nã vẫn chưa đến nhận thì Cơ quan điều tra nhận người bị bắt gia hạn tạm giữ và gửi ngay quyết định gia hạn tạm giữ kèm theo tài liệu liên quan cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** để xét phê chuẩn.  Trường hợp không thể đến nhận ngay người bị bắt thì cơ quan đã ra quyết định truy nã có thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam và gửi lệnh tạm giam đã được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn cho Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Sau khi nhận được lệnh tạm giam, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải giải ngay người đó đến Trại tạm giam nơi gần nhất. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 116. Thông báo về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người**  Sau khi giữ người, bắt người, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết.  Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận người bị giữ, bị bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, bị bắt phải thông báo cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết; trường hợp người bị giữ, người bị bắt là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ, bị bắt.  Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt phải thông báo ngay. | **Điều 116. Thông báo về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người**  Sau khi giữ người, bắt người, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết.  Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận người bị giữ, bị bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, bị bắt phải thông báo cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết; trường hợp người bị giữ, người bị bắt là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ, bị bắt.  Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt phải thông báo ngay. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 117. Tạm giữ**  ...  4. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải gửi quyết định tạm giữ kèm theo các tài liệu làm căn cứ tạm giữ cho *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc*Viện kiểm sát có thẩm quyền. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. | **Điều 117. Tạm giữ**  ...  4. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải gửi quyết định tạm giữ kèm theo các tài liệu làm căn cứ tạm giữ cho *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. | - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp hoặc”. |
|  | **Điều 118. Thời hạn tạm giữ**  …  2. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 03 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày.  Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được *Viện kiểm sát cùng cấp* *hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. | **Điều 118. Thời hạn tạm giữ**  …  2. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 03 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày.  Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được *~~Viện kiểm sát cùng cấp~~**~~hoặc~~*Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. | - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp hoặc”. |
|  | **Điều 119. Tạm giam**  …  5. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra lệnh, quyết định tạm giam. Lệnh tạm giam của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn trước khi thi hành. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Viện kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn.  …  6. Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị tạm giam cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết. | **Điều 119. Tạm giam**  …  5. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra lệnh, quyết định tạm giam. Lệnh tạm giam của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn trước khi thi hành. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Viện kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn.  6. Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người bị tạm giam cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” tại khoản 5.  - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương tại khoản 6 |
|  | **Điều 120. Việc chăm nom người thân thích và bảo quản tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam**  1. Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam có người thân thích là người tàn tật, già yếu, có nhược điểm về tâm thần mà không có người chăm sóc thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam giao người đó cho người thân thích khác chăm nom; trường hợp không có người thân thích thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam giao những người đó cho *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi họ cư trú chăm nom. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của người bị tạm giữ, tạm giam thực hiện theo quy định của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam. | **Điều 120. Việc chăm nom người thân thích và bảo quản tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam**  1. Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam có người thân thích là người tàn tật, già yếu, có nhược điểm về tâm thần mà không có người chăm sóc thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam giao người đó cho người thân thích khác chăm nom; trường hợp không có người thân thích thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam giao những người đó cho chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi họ cư trú chăm nom. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của người bị tạm giữ, tạm giam thực hiện theo quy định của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 121. Bảo lĩnh**  …  2. Cơ quan, tổ chức có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người của cơ quan, tổ chức mình. Cơ quan, tổ chức nhận bảo lĩnh phải có giấy cam đoan và có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.  Cá nhân là người đủ 18 tuổi trở lên, nhân thân tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thu nhập ổn định và có điều kiện quản lý người được bảo lĩnh thì có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người thân thích của họ và trong trường hợp này thì ít nhất phải có 02 người. Cá nhân nhận bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan có xác nhận của *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập.  Trong giấy cam đoan, cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh phải cam đoan không để bị can, bị cáo vi phạm các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh được thông báo về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc nhận bảo lĩnh.  …  4. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định bảo lĩnh. Quyết định của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn trước khi thi hành. | **Điều 121. Bảo lĩnh**  …  2. Cơ quan, tổ chức có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người của cơ quan, tổ chức mình. Cơ quan, tổ chức nhận bảo lĩnh phải có giấy cam đoan và có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.  Cá nhân là người đủ 18 tuổi trở lên, nhân thân tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thu nhập ổn định và có điều kiện quản lý người được bảo lĩnh thì có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người thân thích của họ và trong trường hợp này thì ít nhất phải có 02 người. Cá nhân nhận bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan có xác nhận của chính quyền ***địa phương cấp*** xã, ~~phường, thị trấn~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập.  Trong giấy cam đoan, cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh phải cam đoan không để bị can, bị cáo vi phạm các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh được thông báo về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc nhận bảo lĩnh.  …  4. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định bảo lĩnh. Quyết định của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn trước khi thi hành. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương tại khoản 2  - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” tại khoản 4. |
|  | **Điều 122. Đặt tiền để bảo đảm**  …  3. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định về việc đặt tiền để bảo đảm. Quyết định của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn trước khi thi hành. | **Điều 122. Đặt tiền để bảo đảm**  …  3. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định về việc đặt tiền để bảo đảm. Quyết định của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn trước khi thi hành. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 123. Cấm đi khỏi nơi cư trú**  **…**  5. Người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo và giao bị can, bị cáo cho *chính quyền xã, phường, thị trấn* hoặc đơn vị quân đội đó để quản lý, theo dõi họ.  Trường hợp bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi người đó cư trú hoặc đơn vị quân đội quản lý họ và phải có giấy cho phép của người đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.  6. Nếu bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo phải báo ngay cho cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú biết để xử lý theo thẩm quyền. | **Điều 123. Cấm đi khỏi nơi cư trú**  **…**  5. Người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho chính quyền ***địa phương*** ***cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo và giao bị can, bị cáo cho chính quyền ***địa phương*** ***cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ hoặc đơn vị quân đội đó để quản lý, theo dõi họ.  Trường hợp bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người đó cư trú hoặc đơn vị quân đội quản lý họ và phải có giấy cho phép của người đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.  6. Nếu bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì chính quyền ***địa phương*** ***cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo phải báo ngay cho cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú biết để xử lý theo thẩm quyền. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 124. Tạm hoãn xuất cảnh**  …  2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền quyết định tạm hoãn xuất cảnh. Quyết định tạm hoãn xuất cảnh của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát *cùng cấp* trước khi thi hành. | **Điều 124. Tạm hoãn xuất cảnh**  …  2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền quyết định tạm hoãn xuất cảnh. Quyết định tạm hoãn xuất cảnh của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** trước khi thi hành. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 128. Kê biên tài sản**  ...  2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh kê biên tài sản. Lệnh kê biên của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát *cùng cấp* trước khi thi hành.  ...  4. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt những người:  ...  b) Đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi có tài sản bị kê biên;  c) Người chứng kiến.  ...  Biên bản kê biên được lập thành bốn bản, trong đó một bản được giao ngay cho người được quy định tại điểm a khoản này sau khi kê biên xong, một bản giao ngay cho *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi có tài sản bị kê biên, một bản gửi cho Viện kiểm sát *cùng cấp* và một bản đưa vào hồ sơ vụ án. | **Điều 128. Kê biên tài sản**  ...  2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh kê biên tài sản. Lệnh kê biên của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** trước khi thi hành.  ...  4. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt những người:  ...  b) Đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi có tài sản bị kê biên;  c) Người chứng kiến.  ...  Biên bản kê biên được lập thành bốn bản, trong đó một bản được giao ngay cho người được quy định tại điểm a khoản này sau khi kê biên xong, một bản giao ngay cho chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~*nơi có tài sản bị kê biên, một bản gửi cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** và một bản đưa vào hồ sơ vụ án. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương tại khoản 4  - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” tại khoản 2, khoản 4. |
|  | **Điều 129. Phong tỏa tài khoản**  ...  2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh phong tỏa tài khoản. Lệnh phong tỏa tài khoản của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát *cùng cấp* trước khi thi hành.  ...  4. ...  Biên bản về việc phong tỏa tài khoản được lập thành năm bản, trong đó một bản được giao ngay cho người bị buộc tội, một bản giao cho người khác có liên quan đến người bị buộc tội, một bản gửi cho Viện kiểm sát *cùng cấp*, một bản đưa vào hồ sơ vụ án, một bản lưu tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước. | **Điều 129. Phong tỏa tài khoản**  ...  2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh phong tỏa tài khoản. Lệnh phong tỏa tài khoản của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** trước khi thi hành.  ...  4. ...  Biên bản về việc phong tỏa tài khoản được lập thành năm bản, trong đó một bản được giao ngay cho người bị buộc tội, một bản giao cho người khác có liên quan đến người bị buộc tội, một bản gửi cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền***, một bản đưa vào hồ sơ vụ án, một bản lưu tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 134. Tính thời hạn**  …  2. Trường hợp có đơn hoặc giấy tờ gửi qua dịch vụ bưu chính thì thời hạn được tính theo dấu bưu chính nơi gửi. Nếu có đơn hoặc giấy tờ gửi qua cơ sở giam giữ thì thời hạn được tính từ ngày Trưởng *Nhà tạm giữ*, Trưởng Buồng tạm giữ thuộc Đồn biên phòng, Giám thị Trại tạm giam, Giám thị Trại giam nhận đơn hoặc giấy tờ đó. | **Điều 134. Tính thời hạn**  …  2. Trường hợp có đơn hoặc giấy tờ gửi qua dịch vụ bưu chính thì thời hạn được tính theo dấu bưu chính nơi gửi. Nếu có đơn hoặc giấy tờ gửi qua cơ sở giam giữ thì thời hạn được tính từ ngày Trưởng Nhà tạm giữ***, Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam,*** Trưởng Buồng tạm giữ thuộc Đồn biên phòng, Giám thị Trại tạm giam, Giám thị Trại giam nhận đơn hoặc giấy tờ đó. | - Bổ sung cụm từ *“Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam”.*  - Luật hóa Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/02/2025 (không tổ chức Nhà tạm giữ Công an cấp huyện, thành lập các Phân trại thuộc trại tạm giam).  - Đối với Nhà tạm giữ của Cơ quan điều tra hình sự khu vực trong Quân đội nhân dân vẫn giữ nguyên theo điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015. |
|  | **Điều 136. Trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng, lệ phí**  1. Chi phí quy định tại khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường hợp *Trung tâm* trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do *Trung tâm* này chi trả. | **Điều 136. Trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng, lệ phí**  1. Chi phí quy định tại khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường hợp ~~Trung tâm~~ ***tổ chức*** trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do ~~Trung tâm~~ ***tổ chức*** này chi trả. | - Quyết định số 672/QĐ-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật đã đổi tên Trung tâm trợ giúp pháp lý thành Trung tâm thông tin pháp luật và hỗ trợ, trợ giúp pháp lý, do đó cần sửa thành Đơn vị trợ giúp pháp lý nhà nước để bảo đảm tính ổn định. |
|  | **Điều 138. Thủ tục cấp, giao, chuyển trực tiếp văn bản tố tụng**  …  2. Trường hợp người được nhận văn bản tố tụng vắng mặt thì văn bản tố tụng có thể được giao cho người thân thích của họ có đủ năng lực hành vi dân sự ký nhận và yêu cầu người này cam kết giao lại ngay cho người được nhận. Ngày ký nhận của người thân thích là ngày được cấp, giao văn bản tố tụng.  Trường hợp không thể giao cho người được nhận văn bản tố tụng quy định tại khoản này thì có thể chuyển giao văn bản đó cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập để giao lại cho người được nhận. Cơ quan, tổ chức phải thông báo ngay kết quả việc cấp, giao, gửi văn bản tố tụng cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã yêu cầu. Ngày ký nhận của cơ quan, tổ chức là ngày được cấp, giao văn bản tố tụng.  3. Trường hợp người được nhận văn bản tố tụng vắng mặt hoặc không rõ địa chỉ thì người thực hiện việc cấp, giao phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, giao, có xác nhận của đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú, làm việc, học tập.  Trường hợp người được nhận văn bản tố tụng từ chối nhận văn bản tố tụng thì người thực hiện việc cấp, giao phải lập biên bản về việc từ chối và có xác nhận của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập. | **Điều 138. Thủ tục cấp, giao, chuyển trực tiếp văn bản tố tụng**  …  2. Trường hợp người được nhận văn bản tố tụng vắng mặt thì văn bản tố tụng có thể được giao cho người thân thích của họ có đủ năng lực hành vi dân sự ký nhận và yêu cầu người này cam kết giao lại ngay cho người được nhận. Ngày ký nhận của người thân thích là ngày được cấp, giao văn bản tố tụng.  Trường hợp không thể giao cho người được nhận văn bản tố tụng quy định tại khoản này thì có thể chuyển giao văn bản đó cho chính quyền ***địa phương*** ***cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập để giao lại cho người được nhận. Cơ quan, tổ chức phải thông báo ngay kết quả việc cấp, giao, gửi văn bản tố tụng cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã yêu cầu. Ngày ký nhận của cơ quan, tổ chức là ngày được cấp, giao văn bản tố tụng.  3. Trường hợp người được nhận văn bản tố tụng vắng mặt hoặc không rõ địa chỉ thì người thực hiện việc cấp, giao phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, giao, có xác nhận của đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú, làm việc, học tập.  Trường hợp người được nhận văn bản tố tụng từ chối nhận văn bản tố tụng thì người thực hiện việc cấp, giao phải lập biên bản về việc từ chối và có xác nhận của chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 140. Thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng**  2. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân *xã,* *phường, thị trấn* nơi cuối cùng người được cấp, giao văn bản tố tụng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi cuối cùng người đó làm việc, học tập. | **Điều 140. Thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng**  2. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân ***cấp*** xã*~~, phường,~~ ~~thị trấn~~* nơi cuối cùng người được cấp, giao văn bản tố tụng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi cuối cùng người đó làm việc, học tập. | - Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 146. Thủ tục tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  ...  3. *Công an xã, phường, thị trấn*, Đồn Công an có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.  ...  5. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đó cho *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền. | **Điều 146. Thủ tục tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  ...  3. Công an ***cấp*** xã, *~~phường, thị trấn~~*, Đồn Công an có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.  ...  5. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đó cho *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền. | - Sửa khoản 3 do không còn Công an thị trấn, Luật hóa Điều 5 Thông tư liên tịch 02/2025.  - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp hoặc” tại khoản 5 |
|  | **Điều 147. Thời hạn, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  ...  2. Trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì *Viện trưởng* *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng.  Chậm nhất là 05 ngày trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh quy định tại khoản này, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải có văn bản đề nghị *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh. | **Điều 147. Thời hạn, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  ...  2. Trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì *~~Viện trưởng~~**~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng.  Chậm nhất là 05 ngày trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh quy định tại khoản này, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải có văn bản đề nghị *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh. | - Bỏ cụm từ “Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc” tại đoạn 1 khoản 2  - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp hoặc” tại đoạn 2 khoản 2 |
|  | **Điều 148. Tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  …  2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định tạm đình chỉ kèm theo tài liệu liên quan đến *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát và gửi quyết định tạm đình chỉ đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.  ... | **Điều 148. Tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  …  2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định tạm đình chỉ kèm theo tài liệu liên quan đến *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát và gửi quyết định tạm đình chỉ đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.  ... | - Bỏ cụm từ “Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc” tại khoản 2 |
|  | **Điều 149. Phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  1. Khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không còn, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày ra quyết định phục hồi.  2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định phục hồi cho *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố. | **Điều 149. Phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  1. Khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không còn, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, ***Viện kiểm sát*** ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày ra quyết định phục hồi.  2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định phục hồi cho *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố. | Do thiếu thẩm quyền phục hồi giải quyết tin báo của Viện kiểm sát |
|  | **Điều 150. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  …  2. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp tỉnh, giữa các Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương giải quyết. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố *giữa các Cơ quan điều tra cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nhau*, giữa các Cơ quan điều tra quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do *Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh*, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi đầu tiên tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết. | **Điều 150. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  ...  2. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp tỉnh, giữa các Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương giải quyết. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố *~~giữa các Cơ quan điều tra cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nhau,~~* giữa các Cơ quan điều tra quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do *~~Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh,~~* Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi đầu tiên tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết. | Do hiện không tổ chức Cơ quan điều tra cấp huyện nên chỉ quy định giải quyết đối với trường hợp tranh chấp về thẩm quyền giữa các Cơ quan điều tra cấp tỉnh. |
|  | **Điều 152. Người phạm tội tự thú, đầu thú**  …  3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú, Cơ quan điều tra có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát *cùng cấp.* | **Điều 152. Người phạm tội tự thú, đầu thú**  …  3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú, Cơ quan điều tra có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~***có thẩm quyền.** | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 156. Thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự**  …  2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định kèm theo các tài liệu liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.  Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra. | **Điều 156. Thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự**  …  2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định kèm theo các tài liệu liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.  Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra. | - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp hoặc” |
|  | **Điều 158. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự**  1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này thì người có quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự; nếu đã khởi tố thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố biết rõ lý do; nếu xét thấy cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.  Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự và các tài liệu có liên quan phải gửi cho *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định. | **Điều 158. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự**  1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này thì người có quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự; nếu đã khởi tố thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố biết rõ lý do; nếu xét thấy cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.  Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự và các tài liệu có liên quan phải gửi cho *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định. | - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp hoặc”. |
|  | **Điều 163. Thẩm quyền điều tra**  …  5. Việc phân cấp thẩm quyền điều tra như sau:  a) Cơ quan điều tra *cấp huyện*, Cơ quan điều tra quân sự khu vực điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân *cấp huyện*, Tòa án quân sự khu vực;  b) Cơ quan điều tra cấp tỉnh điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp huyện xảy ra trên địa bàn nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, phạm tội có tổ chức hoặc có yếu tố nước ngoài nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự cấp quân khu hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp khu vực nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra;  c) Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng điều tra vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại; vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến nhiều quốc gia nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra. | **Điều 163. Thẩm quyền điều tra**  …  5. Việc phân cấp thẩm quyền điều tra như sau:  ***a) Cơ quan điều tra cấp tỉnh điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án nhân dân cấp tỉnh;***  b) Cơ quan điều tra quân sự khu vực điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự khu vực; Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự cấp quân khu hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp khu vực nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra;  c) Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng điều tra vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại; vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến nhiều quốc gia nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra. | - Sửa khoản 5 do hiện không tổ chức Cơ quan điều tra cấp huyện, chuyển thẩm quyền của cơ quan điều tra cấp huyện cho Cơ quan điều tra cấp tỉnh.  - Chỉnh sửa kết cấu điểm a, điểm b khoản 5 theo hướng điểm a quy định riêng về cơ quan điều tra cấp tỉnh còn điểm b quy định về các cơ quan điều tra quân sự. Luật hóa Điều 4 và Điều 5 Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/02/2025 (không tổ chức Cơ quan điều tra cấp huyện, chuyển thẩm quyền của Cơ quan điều tra cấp huyện cho Cơ quan điều tra cấp tỉnh). |
|  | **Điều 169. Chuyển vụ án để điều tra**  1. Viện kiểm sát *cùng cấp* quyết định việc chuyển vụ án để điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:  a) Cơ quan điều tra cùng cấp xét thấy vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra và đề nghị chuyển vụ án;  b) Cơ quan điều tra cấp trên rút vụ án để điều tra;  c) Điều tra viên bị thay đổi là Thủ trưởng Cơ quan điều tra;  d) Viện kiểm sát đã yêu cầu chuyển vụ án mà Cơ quan điều tra không thực hiện. | **Điều 169. Chuyển vụ án để điều tra**  1. Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** quyết định việc chuyển vụ án để điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:  a) Cơ quan điều tra cùng cấp xét thấy vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra và đề nghị chuyển vụ án;  b) Cơ quan điều tra cấp trên rút vụ án để điều tra;  c) Điều tra viên bị thay đổi là Thủ trưởng Cơ quan điều tra;  d) Viện kiểm sát đã yêu cầu chuyển vụ án mà Cơ quan điều tra không thực hiện. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 170. Nhập hoặc tách vụ án hình sự để tiến hành điều tra**  ...  3. Quyết định nhập hoặc tách vụ án phải gửi cho Viện kiểm sát *cùng cấp* trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định nhập hoặc tách vụ án của Cơ quan điều tra thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy và nêu rõ lý do. | **Điều 170. Nhập hoặc tách vụ án hình sự để tiến hành điều tra**  ...  3. Quyết định nhập hoặc tách vụ án phải gửi cho Viện kiểm sát*~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định nhập hoặc tách vụ án của Cơ quan điều tra thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy và nêu rõ lý do. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 171. Ủy thác điều tra**  1. Khi cần thiết, Cơ quan điều tra ủy thác cho Cơ quan điều tra khác tiến hành một số hoạt động điều tra. Quyết định ủy thác điều tra phải ghi rõ yêu cầu và gửi cho Cơ quan điều tra được ủy thác, *Viện kiểm sát cùng cấp với* Cơ quan điều tra được ủy thác.  ...  3. *Viện kiểm sát cùng cấp với* Cơ quan điều tra được ủy thác có trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tiến hành hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra được ủy thác và phải chuyển ngay kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát việc ủy thác điều tra cho Viện kiểm sát đã ủy thác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. | **Điều 171. Ủy thác điều tra**  1. Khi cần thiết, Cơ quan điều tra ủy thác cho Cơ quan điều tra khác tiến hành một số hoạt động điều tra. Quyết định ủy thác điều tra phải ghi rõ yêu cầu và gửi cho Cơ quan điều tra được ủy thác, *Viện kiểm sát ~~cùng cấp với~~* ***có thẩm quyền******thực hành quyền công tố, kiểm sát đối với hoạt động điều tra được ủy thác*** ~~Cơ quan điều tra được ủy thác~~.  ...  3. *Viện kiểm sát ~~cùng cấp với~~* ***có thẩm quyền***~~Cơ quan điều tra được ủy thác~~ có trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát *~~việc tiến hành~~* ***đối với***hoạt động điều tra *~~của Cơ quan điều tra~~* được ủy thác và phải chuyển ngay kết quả ~~thực hành quyền công tố và kiểm sát việc ủy thác điều tra~~ cho Viện kiểm sát đã ủy thác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. | Thay cụm từ “*Viện kiểm sát* *cùng cấp với* *Cơ quan điều tra được ủy thác”* tại khoản 1 và khoản 3 bằng cụm từ “*Viện kiểm sát* *có thẩm quyền đối với cơ quan điều tra được ủy thác”* để phù hợp với mối quan hệ phối hợp.  Sửa khoản 3 Điều 171 để bảm đảm ngắn gọn |
|  | **Điều 172. Thời hạn điều tra**  ...  5. Thẩm quyền gia hạn điều tra của Viện kiểm sát:  a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân *cấp huyện*, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra. Trường hợp vụ án do *Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra* thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra;  b) Đối với tội phạm nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân *cấp* *huyện*, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai. Trường hợp vụ án do*Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra* thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;  c) Đối với tội phạm rất nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân *cấp huyện*, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ hai. Trường hợp vụ án *do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra* thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai; | **Điều 172. Thời hạn điều tra**  ...  5. Thẩm quyền gia hạn điều tra của Viện kiểm sát:  a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực***, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra. Trường hợp vụ án do *~~Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra~~* ***Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra*** thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra;  b) Đối với tội phạm nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện kiểm sát quân sự *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai. Trường hợp vụ án do *~~Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra~~* ***Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra*** thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;  c) Đối với tội phạm rất nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực***, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ hai. Trường hợp vụ án do *~~Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra~~* ***Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra*** thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai; | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân khu vực”.  - Chỉnh sửa lại cách thể hiện để phân định thẩm quyền gia hạn của Viện kiểm sát nhân dân khu vực và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh . |
|  | **Điều 173. Thời hạn tạm giam để điều tra**  3. Thẩm quyền gia hạn tạm giam của Viện kiểm sát:  a) Viện kiểm sát nhân dân *cấp huyện*, Viện kiểm sát quân sự khu vực có quyền gia hạn tạm giam đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng. Trường hợp vụ án *do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra* thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền gia hạn tạm giam đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và gia hạn tạm giam lần thứ nhất đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; | **Điều 173. Thời hạn tạm giam để điều tra**  3. Thẩm quyền gia hạn tạm giam của Viện kiểm sát:  a) Viện kiểm sát nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực***, Viện kiểm sát quân sự khu vực có quyền gia hạn tạm giam đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng. Trường hợp vụ án do *~~Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra~~* ***Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra*** thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền gia hạn tạm giam đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và gia hạn tạm giam lần thứ nhất đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;  ***Trường hợp vụ án về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt mà Bộ luật Hình sự quy định*** ***là đến 20 năm tù do Viện kiểm sát nhân dân khu vực thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gia hạn tạm giam lần thứ nhất.*** | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân khu vực” tại điểm a khoản 3.  - Chỉnh sửa lại cách thể hiện để phân định thẩm quyền gia hạn của Viện kiểm sát nhân dân khu vực và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh. |
|  | **Điều 179. Khởi tố bị can**  ...  3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho Viện kiểm sát *cùng cấp* để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn và gửi ngay cho Cơ quan điều tra. | **Điều 179. Khởi tố bị can**  ...  3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho Viện kiểm sát*~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn và gửi ngay cho Cơ quan điều tra. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 180. Thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can**  ...  3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này và tài liệu có liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung đó cho Viện kiểm sát *cùng cấp* để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn và gửi ngay cho Cơ quan điều tra. | **Điều 180. Thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can**  ...  3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này và tài liệu có liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung đó cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn và gửi ngay cho Cơ quan điều tra. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” |
|  | **Điều 182. Triệu tập bị can**  ...  2. Giấy triệu tập bị can được gửi cho *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi bị can cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị can làm việc, học tập. Cơ quan, tổ chức nhận được giấy triệu tập có trách nhiệm chuyển ngay giấy triệu tập cho bị can. | **Điều 182. Triệu tập bị can**  ...  2. Giấy triệu tập bị can được gửi cho chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi bị can cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị can làm việc, học tập. Cơ quan, tổ chức nhận được giấy triệu tập có trách nhiệm chuyển ngay giấy triệu tập cho bị can. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 185. Triệu tập người làm chứng**  3. Việc giao giấy triệu tập được thực hiện như sau:  a) Giấy triệu tập được giao trực tiếp cho người làm chứng hoặc thông qua *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi người làm chứng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập. Trong mọi trường hợp, việc giao giấy triệu tập phải được ký nhận. *Chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi người làm chứng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập có trách nhiệm tạo điều kiện cho người làm chứng thực hiện nghĩa vụ; | **Điều 185. Triệu tập người làm chứng**  3. Việc giao giấy triệu tập được thực hiện như sau:  a) Giấy triệu tập được giao trực tiếp cho người làm chứng hoặc thông qua chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người làm chứng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập. Trong mọi trường hợp, việc giao giấy triệu tập phải được ký nhận. Chính quyền ***địa phương*** ***cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi người làm chứng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập có trách nhiệm tạo điều kiện cho người làm chứng thực hiện nghĩa vụ; | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương cấp*** xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 189. Đối chất**  1. Trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất. Trước khi tiến hành đối chất, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *cùng cấp* để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc đối chất. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc đối chất. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản đối chất. | **Điều 189. Đối chất**  1. Trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất. Trước khi tiến hành đối chất, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc đối chất. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc đối chất. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản đối chất. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” |
|  | **Điều 190. Nhận dạng**  1. ...   Trước khi tiến hành nhận dạng, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *cùng cấp* để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận dạng. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc nhận dạng. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản nhận dạng. | **Điều 190. Nhận dạng**  1. ..  Trước khi tiến hành nhận dạng, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận dạng. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc nhận dạng. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản nhận dạng. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 191. Nhận biết giọng nói**  1. ...  Trước khi tiến hành nhận biết giọng nói, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *cùng cấp* để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản nhận biết giọng nói. | **Điều 191. Nhận biết giọng nói**  1. ...  Trước khi tiến hành nhận biết giọng nói, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản nhận biết giọng nói. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 193. Thẩm quyền ra lệnh khám xét**  ...  2. Trong trường hợp khẩn cấp, những người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi khám xét xong, người ra lệnh khám xét phải thông báo bằng văn bản cho *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc* Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ việc, vụ án.  3. Trước khi tiến hành khám xét, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *cùng cấp* về thời gian và địa điểm tiến hành khám xét để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc khám xét, trừ trường hợp khám xét khẩn cấp. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám xét. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản khám xét. | **Điều 193. Thẩm quyền ra lệnh khám xét**  ...  2. Trong trường hợp khẩn cấp, những người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi khám xét xong, người ra lệnh khám xét phải thông báo bằng văn bản cho *~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc~~* Viện kiểm sát có thẩm quyền ~~thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ việc, vụ án.~~  3. Trước khi tiến hành khám xét, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** về thời gian và địa điểm tiến hành khám xét để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc khám xét, trừ trường hợp khám xét khẩn cấp. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám xét. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản khám xét. | - Bỏ cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp hoặc” và cụm từ “thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ việc, vụ án.”tại khoản 2 do đã có giải thích từ ngữ.  - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” tại khoản 3. |
|  | **Điều 195. Khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện**  1. Khi khám xét chỗ ở thì phải có mặt người đó hoặc người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở, có đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* và người chứng kiến; trường hợp người đó, người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi khám xét và hai người chứng kiến.  Không được bắt đầu việc khám xét chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.  2. Khi khám xét nơi làm việc của một người thì phải có mặt người đó, trừ trường hợp không thể trì hoãn nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.  Việc khám xét nơi làm việc phải có đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến. Trong trường hợp không có đại diện cơ quan, tổ chức thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi khám xét và 02 người chứng kiến.  3. Khi khám xét địa điểm phải có đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi khám xét và người chứng kiến. | **Điều 195. Khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện**  1. Khi khám xét chỗ ở ***của một người*** thì phải có mặt người đó hoặc người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở, có đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* và người chứng kiến; trường hợp người đó, người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi khám xét và hai người chứng kiến.  Không được bắt đầu việc khám xét chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.  2. Khi khám xét nơi làm việc của một người thì phải có mặt người đó, trừ trường hợp không thể trì hoãn nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.  Việc khám xét nơi làm việc phải có đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến. Trong trường hợp không có đại diện cơ quan, tổ chức thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi khám xét và 02 người chứng kiến.  3. Khi khám xét địa điểm phải có đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi khám xét và người chứng kiến. | - Bổ sung cụm từ “của một người” ở khoản 1 để thống nhất cách thể hiện của khoản 2  - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 197. Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông**  1. Khi cần thiết phải thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông thì Cơ quan điều tra ra lệnh thu giữ. Lệnh này phải được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn trước khi thi hành.  2. Trường hợp không thể trì hoãn việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông thì Cơ quan điều tra có thể tiến hành thu giữ nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản. Sau khi thu giữ phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát *cùng cấp* bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quan đến việc thu giữ để xét phê chuẩn. | **Điều 197. Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông**  1. Khi cần thiết phải thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông thì Cơ quan điều tra ra lệnh thu giữ. Lệnh này phải được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn trước khi thi hành.  2. Trường hợp không thể trì hoãn việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông thì Cơ quan điều tra có thể tiến hành thu giữ nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản. Sau khi thu giữ phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quan đến việc thu giữ để xét phê chuẩn. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 198. Tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét**  1. Khi khám xét, Điều tra viên được tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án. Đối với đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trường hợp cần thiết phải niêm phong thì tiến hành trước mặt chủ sở hữu đồ vật, người quản lý đồ vật, người chứng kiến, đại diện gia đình, đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi khám xét.  2. Việc tạm giữ tài liệu, đồ vật khi tiến hành khám xét được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này. Biên bản tạm giữ được lập thành bốn bản, trong đó một bản giao cho người chủ tài liệu, đồ vật hoặc người quản lý tài liệu, đồ vật, một bản đưa vào hồ sơ vụ án, một bản giao cho Viện kiểm sát *cùng cấp* và một bản giao cho cơ quan quản lý tài liệu, đồ vật bị tạm giữ. | **Điều 198. Tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét**  1. Khi khám xét, Điều tra viên được tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án. Đối với đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trường hợp cần thiết phải niêm phong thì tiến hành trước mặt chủ sở hữu đồ vật, người quản lý đồ vật, người chứng kiến, đại diện gia đình, đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị~~**~~trấn~~* nơi khám xét.  2. Việc tạm giữ tài liệu, đồ vật khi tiến hành khám xét được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này. Biên bản tạm giữ được lập thành bốn bản, trong đó một bản giao cho người chủ tài liệu, đồ vật hoặc người quản lý tài liệu, đồ vật, một bản đưa vào hồ sơ vụ án, một bản giao cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** và một bản giao cho cơ quan quản lý tài liệu, đồ vật bị tạm giữ. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 1 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương  - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” tại khoản 2. |
|  | **Điều 201. Khám nghiệm hiện trường**  ...  2. Trước khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *cùng cấp* biết về thời gian, địa điểm tiến hành khám nghiệm để cử Kiểm sát viên kiểm sát khám nghiệm hiện trường. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường. | **Điều 201. Khám nghiệm hiện trường**  ...  2. Trước khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** biết về thời gian, địa điểm tiến hành khám nghiệm để cử Kiểm sát viên kiểm sát khám nghiệm hiện trường. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 202. Khám nghiệm tử thi**  1. Việc khám nghiệm tử thi do giám định viên pháp y tiến hành dưới sự chủ trì của Điều tra viên và phải có người chứng kiến.  Trước khi khám nghiệm tử thi, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *cùng cấp* biết về thời gian và địa điểm tiến hành khám nghiệm để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc khám nghiệm tử thi. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm tử thi.  …  4. Trường hợp cần khai quật tử thi thì phải có quyết định của Cơ quan điều tra và thông báo cho người thân thích của người chết biết trước khi tiến hành. Trường hợp người chết không có hoặc không xác định được người thân thích của họ thì thông báo cho đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi chôn cất tử thi biết. | **Điều 202. Khám nghiệm tử thi**  1. Việc khám nghiệm tử thi do giám định viên pháp y tiến hành dưới sự chủ trì của Điều tra viên và phải có người chứng kiến.  Trước khi khám nghiệm tử thi, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** biết về thời gian và địa điểm tiến hành khám nghiệm để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc khám nghiệm tử thi. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm tử thi.  …  4. Trường hợp cần khai quật tử thi thì phải có quyết định của Cơ quan điều tra và thông báo cho người thân thích của người chết biết trước khi tiến hành. Trường hợp người chết không có hoặc không xác định được người thân thích của họ thì thông báo cho đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi chôn cất tử thi biết. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” tại khoản 1.  - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 2 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 204. Thực nghiệm điều tra**  …  2. Trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *cùng cấp* biết về thời gian và địa điểm tiến hành thực nghiệm điều tra. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc thực nghiệm điều tra. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải ghi rõ vào biên bản.  … | **Điều 204. Thực nghiệm điều tra**  …  2. Trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** biết về thời gian và địa điểm tiến hành thực nghiệm điều tra. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc thực nghiệm điều tra. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải ghi rõ vào biên bản.  … | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 225. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt**  1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.  Trường hợp vụ án do *Cơ quan điều tra cấp huyện*, Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý, điều tra thì *Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp* *huyện*, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực đề nghị *Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh,* Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng. | **Điều 225. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt**  1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu ***trở lên*** có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.  Trường hợp vụ án do *~~Cơ quan điều tra cấp huyện,~~* Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý, điều tra thì ~~Thủ~~ *~~trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện,~~* Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực đề nghị *~~Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh,~~* Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng. | - Bổ sung cụm từ “trở lên” tại đoạn 1 khoản 1 để bảo đảm đầy đủ, do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương cũng có thể yêu cầu.  - Chỉnh sửa đoạn 2 khoản 1 do không tổ chức Cơ quan điều tra cấp huyện. |
|  | **Điều 229. Tạm đình chỉ điều tra**  **…**  3. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát ~~cùng cấp~~, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền lợi của họ. | **Điều 229. Tạm đình chỉ điều tra**  **…**  3. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền***, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền lợi của họ. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 231. Truy nã bị can**  …  2. …  Quyết định truy nã bị can được gửi cho Viện kiểm sát *cùng cấp* và thông báo công khai để mọi người phát hiện, bắt người bị truy nã.  3. Sau khi bắt được bị can theo quyết định truy nã thì Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã phải ra quyết định đình nã. Quyết định đình nã được gửi cho Viện kiểm sát *cùng cấp* và thông báo công khai. | **Điều 231. Truy nã bị can**  …  2. …  Quyết định truy nã bị can được gửi cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** và thông báo công khai để mọi người phát hiện, bắt người bị truy nã.  3. Sau khi bắt được bị can theo quyết định truy nã thì Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã phải ra quyết định đình nã. Quyết định đình nã được gửi cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** và thông báo công khai. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 232. Kết thúc điều tra**  ....  4. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra bản kết luận điều tra, Cơ quan điều tra phải giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát *cùng cấp*; giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho bị can hoặc người đại diện của bị can; gửi bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho người bào chữa; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. | **Điều 232. Kết thúc điều tra**  ....  4. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra bản kết luận điều tra, Cơ quan điều tra phải giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền***; giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho bị can hoặc người đại diện của bị can; gửi bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho người bào chữa; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.  ***Trường hợp kết luận điều tra đề nghị truy tố*** ***đối với*** ***bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 233 của Bộ luật này thì trong thời hạn nêu trên, bản kết luận điều tra*** ***phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bị can.*** | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền” để phù hợp với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan tố tụng.  Bổ sung việc niêm yết bản kết luận điều tra đề nghị truy tố trong trường hợp vắng mặt bị can. |
|  | **Điều 233. Kết luận điều tra trong trường hợp đề nghị truy tố**  Trong trường hợp đề nghị truy tố thì bản kết luận điều tra ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội; chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án; lý do và căn cứ đề nghị truy tố; tội danh, điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự được áp dụng; những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án.  Bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra kết luận; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận điều tra. | **Điều 233. Kết luận điều tra trong trường hợp đề nghị truy tố**  **1.** Trong trường hợp đề nghị truy tố thì bản kết luận điều tra ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội; chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án; lý do và căn cứ đề nghị truy tố; tội danh, điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự được áp dụng; những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án.  Bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra kết luận; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận điều tra.  ***2.* *Cơ quan điều tra có thể kết luận điều tra đề nghị truy tố khi đã có đủ căn cứ và bảo đảm quyền bào chữa cho bị can theo quy định của Bộ luật này trong các trường hợp sau:***  ***a) Bị can bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả;***  ***b) Bị can đang ở nước ngoài mà không thể triệu tập*** ***để phục vụ các hoạt động điều tra.***  ***3. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khoản 2 Điều này.*** | - Bổ sung việc kết thúc điều tra đề nghị truy tố trong trường hợp vắng mặt bị can.  - Bổ sung các khoản cụ thể. |
|  | **Điều 235. Phục hồi điều tra**  1. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra thì Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồi điều tra, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.  Nếu việc điều tra bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 157 của Bộ luật này mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra lại thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát *cùng cấp* ra quyết định phục hồi điều tra.  2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định phục hồi điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát *cùng cấp*, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. | **Điều 235. Phục hồi điều tra**  1. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra thì Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồi điều tra, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.  Nếu việc điều tra bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 157 của Bộ luật này mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra lại thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** ra quyết định phục hồi điều tra.  2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định phục hồi điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền***, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. | Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 239. Thẩm quyền truy tố**  1. Viện kiểm sát *cấp nào* thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra *thì Viện kiểm sát cấp đó quyết định việc truy tố.* *Thẩm quyền truy tố của Viện kiểm sát được xác định theo thẩm quyền xét xử của Tòa án* đối với vụ án.  … | **Điều 239. Thẩm quyền truy tố**  1. Viện kiểm sát *~~cấp nào~~* ***có thẩm quyền quyết định việc truy tố*** ***là Viện kiểm sát đã*** thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra *~~thì Viện kiểm sát cấp đó quyết định việc truy tố~~.* Thẩm quyền truy tố của Viện kiểm sát được xác định theo thẩm quyền xét xử của Tòa ánđối với vụ án.  … | Sửa đoạn 1 khoản 1 để bảo đảm xác định cụ thể “Viện kiểm sát cấp nào”. |
|  | **Điều 240. Thời hạn quyết định việc truy tố**  …  2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Viện kiểm sát phải thông báo cho bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, bị hại biết việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho Cơ quan điều tra, người bào chữa bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; thông báo cho bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.  Việc giao, nhận các văn bản nêu trên được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này và đưa vào hồ sơ vụ án.  Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn giao bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án cho bị can hoặc người đại diện của bị can có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày. | **Điều 240. Thời hạn quyết định việc truy tố**  …  2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Viện kiểm sát phải thông báo cho bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, bị hại biết việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho Cơ quan điều tra, người bào chữa bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; thông báo cho bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.  ***Trường hợp truy tố bị can*** ***theo quy định tại khoản 2 Điều 243 của Bộ luật này thì trong thời hạn nêu trên, cáo trạng phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bị can.***  Việc giao, nhận các văn bản nêu trên được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này và đưa vào hồ sơ vụ án.  Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn giao bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án cho bị can hoặc người đại diện của bị can có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày. | - Bổ sung việc niêm yết cáo trạng đối với trường hợp truy tố vắng mặt bị can. |
|  | **Điều 243. Quyết định truy tố bị can**  Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng.  Bản cáo trạng ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội; những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.  Phần kết luận của bản cáo trạng ghi rõ tội danh và điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự được áp dụng.  Bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra cáo trạng; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra bản cáo trạng. | **Điều 243. Quyết định truy tố bị can**  ***1.*** Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng.  Bản cáo trạng ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội; những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.  Phần kết luận của bản cáo trạng ghi rõ tội danh và điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự được áp dụng.  Bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra cáo trạng; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra bản cáo trạng.  ***2. Viện kiểm sát có thể quyết định truy tố bị can khi đã có đủ căn cứ và bảo đảm quyền bào chữa cho bị can theo quy định của Bộ luật này trong các trường hợp sau:***  ***a) Bị can bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả;***  ***b) Bị can đang ở nước ngoài mà không thể triệu tập*** ***để phục vụ các hoạt động nhằm quyết định việc truy tố.***  ***3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khoản 2 Điều này.*** | - Bổ sung việc truy tố vắng mặt bị can.  - Bổ sung các khoản cụ thể. |
|  | **Điều 262. Giao, gửi bản án**  1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho bị cáo, bị hại, Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa; gửi bản án cho bị cáo bị xét xử vắng mặt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật này, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Cơ quan điều tra cùng cấp, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Trại tạm giam, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo; thông báo bằng văn bản cho *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi bị cáo cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị cáo làm việc, học tập; cấp bản sao bản án hoặc trích lục bản án về những phần có liên quan cho đương sự hoặc người đại diện của họ.  Trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 290 của Bộ luật này thì trong thời hạn nêu trên, bản án phải được niêm yết tại trụ sở *Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn* nơi cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bị cáo.  Tòa án cấp sơ thẩm gửi bản án cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án sơ thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự theo quy định của Luật thi hành án dân sự.  2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra quyết định, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án hoặc quyết định phúc thẩm cho Viện kiểm sát cùng cấp; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nơi đã xét xử sơ thẩm; Trại tạm giam, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo; người đã kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị hoặc người đại diện của họ; cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án phúc thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập của bị cáo. Trường hợp *Tòa án nhân dân cấp cao* xét xử phúc thẩm thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày. | **Điều 262. Giao, gửi bản án**  1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho bị cáo, bị hại, Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa; gửi bản án cho bị cáo bị xét xử vắng mặt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật này, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Cơ quan điều tra cùng cấp, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Trại tạm giam, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo; thông báo bằng văn bản cho chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi bị cáo cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị cáo làm việc, học tập; cấp bản sao bản án hoặc trích lục bản án về những phần có liên quan cho đương sự hoặc người đại diện của họ.  Trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 290 của Bộ luật này thì trong thời hạn nêu trên, bản án phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân ***cấp*** xã, *~~phường, thị trấn~~* nơi cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bị cáo.  Tòa án cấp sơ thẩm gửi bản án cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án sơ thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự theo quy định của Luật thi hành án dân sự.  2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra quyết định, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án hoặc quyết định phúc thẩm cho Viện kiểm sát cùng cấp; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nơi đã xét xử sơ thẩm; Trại tạm giam, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo; người đã kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị hoặc người đại diện của họ; cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án phúc thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự; thông báo bằng văn bản cho chính quyền ***địa phương cấp*** xã~~, phường, thị trấn~~ nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập của bị cáo. Trường hợp *~~Tòa án nhân dân cấp cao,~~* ***Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao******, Tòa án quân sự trung ương*** xét xử phúc thẩm thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày. | - Tại khoản 2 Điều 262, thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp cao” bằng cụm từ “Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao”.  - Bổ sung Tòa án quân sự trung ương tại khoản 2 để bảo đảm đầy đủ (theo đề nghị của Bộ Quốc phòng)  - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 1 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương  - Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 268. Thẩm quyền xét xử của Tòa án**  1. Tòa án nhân dân *cấp huyện* và Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm:  a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;  b) Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;  c) Các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của Bộ luật Hình sự;  d) Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án:  a) Vụ án hình sự về các tội phạm không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân *cấp huyện* và Tòa án quân sự khu vực;  b) Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài;  c) Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân *cấp huyện* và Tòa án quân sự khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà bị cáo là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người. | **Điều 268. Thẩm quyền xét xử của Tòa án**  1. Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự ***về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng******mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định*** ***là đến 20 năm tù,*** ***tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng,*** ***Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng,*** ~~ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng~~ trừ những tội phạm:  a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;  b) Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;  c) Các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của Bộ luật Hình sự;  d) Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án:  a) Vụ án hình sự về các tội phạm không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** và Tòa án quân sự khu vực;  b) Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài;  c) Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** và Tòa án quân sự khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà bị cáo là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ***ở*** ***địa phương*** ~~ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương~~, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người. | - Cơ bản giữ nguyên như hiện hành, chỉ điều chỉnh thẩm quyền của Tòa án cấp khu vực xét xử vụ án về tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt đến 20 năm nhưng vẫn giữ nguyên việc loại trừ các tội phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1.  - Đối với thẩm quyền của các Tòa án quân sự thì giữ nguyên như hiện hành theo đề nghị của Bộ Quốc phòng và Viện kiểm sát quân sự Trung ương. |
|  | **Điều 275. Giải quyết việc tranh chấp về thẩm quyền xét xử**  1. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân *cấp huyện* trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các Tòa án quân sự khu vực trong cùng một quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu quyết định.  2. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân *cấp huyện* thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nhau, giữa các Tòa án quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi kết thúc việc điều tra quyết định. | **Điều 275. Giải quyết việc tranh chấp về thẩm quyền xét xử**  1. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các Tòa án quân sự khu vực trong cùng một quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu quyết định.  2. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nhau, giữa các Tòa án quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi kết thúc việc điều tra quyết định. | - Thay cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực”**.** |
|  | **Điều 286. Việc giao, gửi quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm**  1. Quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho bị cáo hoặc người đại diện của họ; gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa.   Trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo thì quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho người bào chữa hoặc người đại diện của bị cáo; quyết định đưa vụ án ra xét xử còn phải được niêm yết tại trụ sở *Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn* nơi bị cáo cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bị cáo. | **Điều 286. Việc giao, gửi quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm**  1. Quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho bị cáo hoặc người đại diện của họ; gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa.   Trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo thì quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho người bào chữa hoặc người đại diện của bị cáo; quyết định đưa vụ án ra xét xử còn phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân ***cấp*** xã~~,~~ *~~phường, thị trấn~~* nơi bị cáo cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bị cáo. | - Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 332. Thủ tục kháng cáo**  1. Người kháng cáo phải gửi đơn kháng cáo đến Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm.  Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam, Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ phải bảo đảm cho bị cáo thực hiện quyền kháng cáo, nhận đơn kháng cáo và chuyển cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án, quyết định bị kháng cáo. | **Điều 332. Thủ tục kháng cáo**  1. Người kháng cáo phải gửi đơn kháng cáo đến Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm.  Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam, Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ**,** ***Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam*** phải bảo đảm cho bị cáo thực hiện quyền kháng cáo, nhận đơn kháng cáo và chuyển cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án, quyết định bị kháng cáo. | - Bổ sung cụm từ *“Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam”.*  - Luật hóa Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/02/2025 (không tổ chức Nhà tạm giữ Công an cấp huyện, thành lập các Phân trại thuộc trại tạm giam).  - Đối với Nhà tạm giữ của Cơ quan điều tra hình sự khu vực trong Quân đội nhân dân vẫn giữ nguyên theo điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015. |
|  | **Điều 333. Thời hạn kháng cáo**  …  3. Ngày kháng cáo được xác định như sau:  …  b) Trường hợp đơn kháng cáo gửi qua Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ thì ngày kháng cáo là ngày Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ nhận được đơn. Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ phải ghi rõ ngày nhận đơn và ký xác nhận vào đơn; | **Điều 333. Thời hạn kháng cáo**  …  3. Ngày kháng cáo được xác định như sau:  …  b) Trường hợp đơn kháng cáo gửi qua Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ**, *Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam*** thì ngày kháng cáo là ngày Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ***, Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam*** nhận được đơn. Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ***, Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam*** phải ghi rõ ngày nhận đơn và ký xác nhận vào đơn; | - Bổ sung cụm từ *“Trưởng Phân trại thuộc trại tạm giam”.*  - Luật hóa Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/02/2025 (không tổ chức Nhà tạm giữ Công an cấp huyện, thành lập các Phân trại thuộc trại tạm giam).  - Đối với Nhà tạm giữ của Cơ quan điều tra hình sự khu vực trong Quân đội nhân dân vẫn giữ nguyên theo điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015. |
|  | **Điều 341. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát**  1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 15 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 20 ngày đối với *Viện kiểm sát nhân dân cấp cao*, Viện kiểm sát quân sự trung ương kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án. Trường hợp vụ án thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 30 ngày đối với *Viện kiểm sát nhân dân cấp cao*, Viện kiểm sát quân sự trung ương. | **Điều 341. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát**  1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 15 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 20 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân ~~cấp~~ ***tối*** cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án. Trường hợp vụ án thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 30 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân ~~cấp~~ ***tối*** cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương. | Chỉnh sửa do không tổ chức cấp cao |
|  | **Điều 344. Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm**  1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân *cấp huyện* bị kháng cáo, kháng nghị.  2. *Tòa án nhân dân* *cấp cao* có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh *thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ* bị kháng cáo, kháng nghị. | **Điều 344. Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm**  1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** bị kháng cáo, kháng nghị.  2. *~~Tòa án nhân dân~~**~~cấp cao~~* ***Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh *~~thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ~~* bị kháng cáo, kháng nghị. | Thay cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực”, Thay cụm từ “Tòa án nhân dân cấp cao” bằng cụm từ “Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao”. |
|  | **Điều 346. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm**  1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 60 ngày; *Tòa án nhân dân cấp cao*, Tòa án quân sự trung ương phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án.  2. Trong thời hạn 45 ngày đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, 75 ngày đối với vụ án *Tòa án nhân dân cấp cao*, Tòa án quân sự trung ương kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định:  a) Đình chỉ xét xử phúc thẩm;  b) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm | **Điều 346. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm**  1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 60 ngày; *~~Tòa án nhân dân~~**~~cấp cao~~* ***Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao***, Tòa án quân sự trung ương phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án.  2. Trong thời hạn 45 ngày đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, 75 ngày đối với *~~Tòa án nhân dân~~**~~cấp cao~~* ***Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao***, Tòa án quân sự trung ương kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định:  a) Đình chỉ xét xử phúc thẩm;  b) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. | Thay cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực”, Thay cụm từ “Tòa án nhân dân cấp cao” bằng cụm từ “Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao”. |
|  | **Điều 347. Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế**  1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.  Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyết định. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn khác, biện pháp cưỡng chế do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định. | **Điều 347. Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế**  1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.  Việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án; ***Thẩm phán giữ chức vụ*** ***Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** quyết định; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn khác, biện pháp cưỡng chế do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định.  2. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 346 của Bộ luật này.  Trường hợp còn thời hạn tạm giam bị cáo mà xét thấy cần phải tiếp tục tạm giam bị cáo thì Tòa án cấp phúc thẩm sử dụng thời hạn tạm giam theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm. Trường hợp đã hết thời hạn tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm thì Chánh án, Phó Chánh án Tòa án; ***Thẩm phán giữ chức vụ*** ***Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** ra quyết định tạm giam mới.  Đối với bị cáo đang bị tạm giam, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa. | - Chỉnh sửa theo hướng nêu cụ thể các chủ thể có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế |
|  | **Điều 352. Hoãn phiên tòa phúc thẩm**  1. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ được hoãn phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp:  a) Có một trong những căn cứ quy định tại các điều 52, 53, 349, 350 và 351 của Bộ luật này;  b) Cần phải xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa.  Trường hợp hoãn phiên tòa thì vụ án phải được xét xử lại từ đầu.  2. Thời hạn hoãn phiên tòa *và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm* được thực hiện theo quy định tại Điều 297 của Bộ luật này. | **Điều 352. Hoãn phiên tòa phúc thẩm**  ...  2. Thời hạn hoãn phiên tòa phúc thẩm *~~và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm~~* được thực hiện theo quy định tại ***khoản 2*** Điều 297 của Bộ luật này.  ***3. Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm phải được chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ký tên. Trường hợp chủ tọa phiên tòa vắng mặt hoặc bị thay đổi thì Chánh án Tòa án, Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định hoãn phiên tòa.***  ***Quyết định hoãn phiên tòa phải được thông báo ngay cho những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người vắng mặt tại phiên tòa trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định.*** |  |
|  | **Điều 364. Thẩm quyền vàthủ tụcraquyết định thi hành án**  …  3. Trường hợp người bị kết án phạt tù đang tại ngoại thì quyết định thi hành án phạt tù phải ghi rõ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, người đó phải có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự *Công an cấp huyện* để thi hành án. | **Điều 364. Thẩm quyền vàthủ tụcraquyết định thi hành án**  …  3. Trường hợp người bị kết án phạt tù đang tại ngoại thì quyết định thi hành án phạt tù phải ghi rõ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, người đó phải có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp *~~huyện~~* ***tỉnh*** để thi hành án. | - Thay cụm từ “cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện” bằng cụm từ “cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh”  - Luật hóa Điều 10 TTLT số 02/2-25 |
|  | **Điều 367. Thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành**  1. Thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành được thực hiện:  …  e) Trường hợp người bị kết án có đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì bản án tử hình được thi hành sau khi Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm.  2. Khi có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm không ra quyết định thi hành án tử hình và báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án. | **Điều 367. Thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành**  1. Thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành được thực hiện:  …  e) ***Trường hợp người bị kết án có đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo Chủ tịch nước xét đơn xin ân giảm. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch nước xem xét quyết định ân giảm đối với người bị kết án. Trường hợp Chủ tịch nước quyết định ân giảm thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã xét xử sơ thẩm ra quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án.*** ***Hết thời hạn nêu trên mà không có quyết định ân giảm thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã xét xử sơ thẩm tổ chức việc thi hành bản án tử hình theo quy định.***  ***2. Khi có căn cứ theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thẩm quyền quyết định việc hoãn thi hành án trong thời hạn 02 năm kể từ ngày tuyên án. Căn cứ áp dụng và việc hoãn thi hành được ghi rõ trong bản án.***  ***3.*** Khi có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự ***hoặc trường hợp hết thời hiệu thi hành bản án tử hình theo điểm d khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự*** thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm không ra quyết định thi hành án tử hình và báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xem xét, ***quyết định*** chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án.  ***4. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao*** ***quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều này.*** | - Chỉnh sửa, bổ sung thời hạn xét đơn ân giảm án tử hình, bỏ nội dung về bác đơn xin ân giảm của Chủ tịch nước.  - Thực hiện theo Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về đề án[[3]](#footnote-4) do VKSND chủ trì xây dựng.  *-* Trường hợp bị cáo thuộc trường hợp được hoãn thi hành án (02 năm để khắc phục hậu quả) thi sẽ được Tòa án xác định rõ tại thời điểm tuyên bản án tử hình.  + Trường hợp trong 02 năm bị án khắc phục được hậu quả thì sẽ được chuyển xuống tù chung thâm theo khoản 2 Điều 367. |
|  | **Điều 368. Thủ tục xét tha tù trước thời hạn có điều kiện**  …  8. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, Tòa án phải gửi quyết định cho phạm nhân, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, *cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện*, cấp quân khu, *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi người được tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.  9. Ngay sau khi nhận được quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ sở giam giữ phải tổ chức công bố quyết định này và thực hiện các thủ tục thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Trong thời gian thử thách mà người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không vi phạm các quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật hình sự thì khi hết thời gian thử thách, *cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện*, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đã quản lý họ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù.  10. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật hình sự thì *cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện* nơi người được tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó phải lập hồ sơ chuyển đến Viện kiểm sát và Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện để xem xét, hủy quyết định đã ban hành và buộc người đó phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành. | **Điều 368. Thủ tục xét tha tù trước thời hạn có điều kiện**  …  8. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, Tòa án phải gửi quyết định cho phạm nhân, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an *~~cấp huyện~~* ***cấp tỉnh***, cấp quân khu, chính quyền ***địa phương cấp*** xã, ~~phường,~~ ~~thị trấn~~ nơi người được tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.  9. Ngay sau khi nhận được quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ sở giam giữ phải tổ chức công bố quyết định này và thực hiện các thủ tục thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Trong thời gian thử thách mà người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không vi phạm các quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật hình sự thì khi hết thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự Công an *~~cấp huyện~~* ***cấp tỉnh***, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đã quản lý họ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù.  10. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật hình sự thì cơ quan thi hành án hình sự Công an *~~cấp huyện~~* ***cấp tỉnh*** nơi người được tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó phải lập hồ sơ chuyển đến Viện kiểm sát và Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện để xem xét, hủy quyết định đã ban hành và buộc người đó phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành. | - Thay cụm từ “cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện” bằng cụm từ “cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh”. Luật hóa Điều 10 TTLT số 02/2-25  - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 2 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 369. Thủ tục xóa án tích**  1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp phiếu lý lịch tư pháp là họ không có án tích.  2. Những trường hợp quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Hình sự thì việc xóa án tích do Tòa án quyết định. Người bị kết án phải có đơn gửi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhận xét của *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi họ cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, học tập.  Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn của người bị kết án, Tòa án đã xét xử sơ thẩm chuyển tài liệu về việc xin xóa án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Tòa án chuyển đến, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản và chuyển lại tài liệu cho Tòa án.  Nếu xét thấy đủ điều kiện thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Viện kiểm sát chuyển đến, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định xóa án tích; trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích.  Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định xóa án tích hoặc quyết định bác đơn xin xóa án tích, Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định này cho người bị kết án, Viện kiểm sát cùng cấp, *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi họ cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, học tập. | **Điều 369. Thủ tục xóa án tích**  1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp phiếu lý lịch tư pháp là họ không có án tích.  2. Những trường hợp quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Hình sự thì việc xóa án tích do Tòa án quyết định. Người bị kết án phải có đơn gửi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhận xét của chính quyền ***địa phương*** ***cấp*** xã, ~~phường,~~ ~~thị trấn~~ nơi họ cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, học tập.  Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn của người bị kết án, Tòa án đã xét xử sơ thẩm chuyển tài liệu về việc xin xóa án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Tòa án chuyển đến, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản và chuyển lại tài liệu cho Tòa án.  Nếu xét thấy đủ điều kiện thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Viện kiểm sát chuyển đến, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định xóa án tích; trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích.  Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định xóa án tích hoặc quyết định bác đơn xin xóa án tích, Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định này cho người bị kết án, Viện kiểm sát cùng cấp, chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi họ cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, học tập. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 2 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 372. Phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm**  …  2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân *cấp huyện* để phát hiện vi phạm pháp luật và *kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao* xem xét kháng nghị.  Tòa án quân sự cấp quân khu thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự khu vực để phát hiện vi phạm pháp luật và kiến nghị Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét kháng nghị. | **Điều 372. Phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm**  …  2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực*** để phát hiện vi phạm pháp luật và *~~kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao~~* xem xét kháng nghị.  Tòa án quân sự cấp quân khu thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự khu vực để phát hiện vi phạm pháp luật và kiến nghị Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét kháng nghị. | Điều chỉnh do không tổ chức cấp cao, bổ sung thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm cho cấp tỉnh. |
|  | **Điều 373. Những người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm**  1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của *Tòa án nhân dân* *cấp cao*; bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.  …  3. Chánh án Tòa án nhân dân *cấp cao*, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân *cấp cao* có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, *Tòa án nhân dân cấp huyện* trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ | **Điều 373.** **Những người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm**  1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của *~~Tòa án nhân dân cấp cao~~* ***Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh***; bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.  …  3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp*~~cao~~* ***tỉnh***, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp*~~cao~~* ***tỉnh*** có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án ***hoặc*** quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân *~~tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện~~*  ***khu vực*** trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.”. | Điều chỉnh do không tổ chức cấp cao, bổ sung thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm cho cấp tỉnh. |
|  | **Điều 380. Gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm**  …  2. Trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải gửi ngay cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm.  Trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân *cấp cao*, Chánh án Tòa án quân sự trung ương kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.  Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải gửi quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải gửi lại hồ sơ vụ án cho Tòa án.  3. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao*, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải gửi ngay cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm. | **Điều 380. Gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm**  …  2. Trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải gửi ngay cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm.  Trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân cấp *~~cao~~* ***tỉnh***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.  Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải gửi quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải gửi lại hồ sơ vụ án cho Tòa án.  3. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp *~~cao~~* ***tỉnh***, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải gửi ngay cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm. | Điều chỉnh do không tổ chức cấp cao, bổ sung thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm cho cấp tỉnh. |
|  | **Điều 382. Thẩm quyền giám đốc thẩm**  1. Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân *cấp cao* giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của *Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện* *trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị*.  2. *Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân* *cấp cao* giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân ***cấp cao*** giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.  Khi xét xử giám đốc thẩm bằng *Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao* thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia, do Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao*** làm chủ tọa phiên tòa. *Quyết định của Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán* phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; *nếu không được quá nửa số thành viên của Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa*. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.  3. Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực bị kháng nghị. Khi xét xử giám đốc thẩm thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương tham gia, do Chánh án Tòa án quân sự trung ương làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Ủy ban Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; *nếu không được quá nửa số thành viên của Ủy ban Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa*. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Ủy ban Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.  *4. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương bị kháng nghị.*  5. Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm đối với bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật quy định tại khoản 4 Điều này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.  Khi xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia, do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; nếu không được quá nửa số thành viên của Hội đồng toàn thể Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Hội đồng toàn thể Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.  6. Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của các cấp khác nhau thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm toàn bộ vụ án. | **Điều 382. Thẩm quyền giám đốc thẩm**  1. ***Hội đồng*** Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ***năm*** Thẩm phán đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của ***Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao,*** ***Tòa án nhân dân cấp tỉnh,*** Tòa án quân sự trung ương bị kháng nghị.  2. Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm đối với bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được ***Hội đồng*** Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ***năm*** Thẩm phán nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua.  Khi Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia, do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành; nếu không được quá nửa số thành viên của Hội đồng toàn thể Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Hội đồng toàn thể Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.  3. Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực bị kháng nghị. Khi xét xử giám đốc thẩm thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương tham gia, do Chánh án Tòa án quân sự trung ương làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Ủy ban Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên Ủy ban Thẩm phán biểu quyết tán thành; nếu không được quá nửa số thành viên của Ủy ban Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Ủy ban Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.  ***4. Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh giám đốc thẩm đối với những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng nghị. Khi xét xử giám đốc thẩm phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Ủy ban Thẩm phán tham gia, do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Ủy ban Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; nếu không được quá nửa số thành viên của Ủy ban Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa Ủy ban Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.***  5. Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của các cấp khác nhau thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm toàn bộ vụ án. | Điều chỉnh do không tổ chức cấp cao, bổ sung thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm cho cấp tỉnh. |
|  | **Điều 395. Hiệu lực của quyết định giám đốc thẩm và việc gửi quyết định giám đốc thẩm**  …  2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, Hội đồng giám đốc thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm cho người bị kết án, người đã kháng nghị; Viện kiểm sát cùng cấp; Viện kiểm sát, Tòa án nơi đã xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị hoặc người đại diện của họ; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc, học tập. | **Điều 395. Hiệu lực của quyết định giám đốc thẩm và việc gửi quyết định giám đốc thẩm**  …  2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, Hội đồng giám đốc thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm cho người bị kết án, người đã kháng nghị; Viện kiểm sát cùng cấp; Viện kiểm sát, Tòa án nơi đã xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị hoặc người đại diện của họ; thông báo bằng văn bản cho chính quyền ***địa phương cấp*** xã, ~~phường,~~ ~~thị trấn~~ nơi người bị kết án cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc, học tập. | - Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 2 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 400. Những người có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm**  …  3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân *cấp cao* có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của *Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện* thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ. | **Điều 400. Những người có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm**  …  3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân *cấp ~~cao~~* ***tỉnh*** có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của *~~Tòa án nhân dân cấp tỉnh~~, Tòa án nhân dân ~~cấp huyện~~* ***khu vực*** thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ. | Điều chỉnh do không tổ chức cấp cao, bổ sung thẩm quyền kháng nghị tái thẩm cho cấp tỉnh |
|  | **Điều 404. Yêu cầu, kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao** | Thay cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” | Phù hợp với Nghị quyết số 178/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội. |
|  | **Điều 405. Thành phần tham dự phiên họp của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét kiến nghị, đề nghị** | Thay cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” |
|  | **Điều 406. Chuẩn bị mở phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị** | Thay cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” |
|  | **Điều 407. Thủ tục mở phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị** | Thay cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” |
|  | **Điều 408. Thông báo kết quả phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị** | Thay cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” |
|  | **Điều 411. Thủ tục và thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao** | Thay cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” |
|  | **Điều 412. Gửi quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao** | Thay cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” |
|  | **Điều 439. Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án**  1. …  Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra quyết định tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân. Quyết định tạm đình chỉ hoạt động của pháp nhân của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn trước khi thi hành.  …  2. ...  Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra quyết định buộc pháp nhân phải nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án. Quyết định buộc pháp nhân phải nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *cùng cấp* phê chuẩn trước khi thi hành. | **Điều 439. Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án**  1. …  Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra quyết định tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân. Quyết định tạm đình chỉ hoạt động của pháp nhân của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn trước khi thi hành.  …  2. ...  Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra quyết định buộc pháp nhân phải nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án. Quyết định buộc pháp nhân phải nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phê chuẩn trước khi thi hành. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 437. Kê biên tài sản**  …  3. Khi kê biên tài sản của pháp nhân phải có mặt những người sau:  a) Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân;  b) Đại diện *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi pháp nhân có tài sản bị kê biên; | **Điều 437. Kê biên tài sản**  …  3. Khi kê biên tài sản của pháp nhân phải có mặt những người sau:  a) Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân;  b) Đại diện chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường, thị trấn~~* nơi pháp nhân có tài sản bị kê biên; | Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 3 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 440. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân**  ...  2. Giấy triệu tập được gửi cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hoặc pháp nhân nơi người đó làm việc hoặc *chính quyền xã, phường, thị trấn* nơi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân cư trú. Cơ quan, tổ chức nhận được giấy triệu tập có trách nhiệm chuyển ngay giấy triệu tập cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. | **Điều 440. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân**  ...  2. Giấy triệu tập được gửi cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hoặc pháp nhân nơi người đó làm việc hoặc chính quyền ***địa phương cấp*** xã*~~, phường,~~ ~~thị trấn~~* nơi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân cư trú. Cơ quan, tổ chức nhận được giấy triệu tập có trách nhiệm chuyển ngay giấy triệu tập cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. | Thay thế cụm từ “chính quyền xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “chính quyền ***địa phương*** cấp xã” tại khoản 2 để phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương |
|  | **Điều 449. Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra**  1. Khi Cơ quan điều tra trưng cầu giám định pháp y tâm thần mà kết quả giám định xác định bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì Cơ quan điều tra gửi văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh cùng kết luận giám định cho Viện kiểm sát *cùng cấp* để xem xét, quyết định.  Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan điều tra cùng kết luận giám định, Viện kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh đối với bị can hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại nếu thấy chưa đủ căn cứ để quyết định. | **Điều 449. Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra**  1. Khi Cơ quan điều tra trưng cầu giám định pháp y tâm thần mà kết quả giám định xác định bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì Cơ quan điều tra gửi văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh cùng kết luận giám định cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** để xem xét, quyết định.  Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan điều tra cùng kết luận giám định, Viện kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh đối với bị can hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại nếu thấy chưa đủ căn cứ để quyết định. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 457. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn**  ...  2. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn được giao cho bị can, bị cáo hoặc người đại diện của họ, gửi cho người bào chữa trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.  Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Cơ quan điều tra, Tòa án được gửi cho Viện kiểm sát *cùng cấp* trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định. | **Điều 457. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn**  ...  2. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn được giao cho bị can, bị cáo hoặc người đại diện của họ, gửi cho người bào chữa trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.  Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Cơ quan điều tra, Tòa án được gửi cho Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 474. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam**  …  2. Viện trưởng Viện kiểm sát có trách nhiệm giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố. Cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam phải chuyển ngay cho Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án, vụ việc khiếu nại của người bị giữ, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát giải quyết.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát giải quyết.  Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Viện trưởng Viện kiểm sát thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết nếu quyết định, hành vi tố tụng bị khiếu nại là của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật. | **Điều 474. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam**  …  2. Viện trưởng Viện kiểm sát có trách nhiệm giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố. Cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam phải chuyển ngay cho Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án, vụ việc khiếu nại của người bị giữ, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát giải quyết.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát giải quyết.  Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Viện trưởng Viện kiểm sát thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp ~~hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết~~. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp~~, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao~~ phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp~~, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao~~ là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết ~~hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết nếu quyết định, hành vi tố tụng bị khiếu nại là của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh~~. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp~~, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao~~ phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp~~, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao~~ là quyết định có hiệu lực pháp luật. |  |
|  | **Điều 475. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủ trưởng và Thủ trưởng Cơ quan điều tra, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**  1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trừ khiếu nại về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam do Thủ trưởng Cơ quan điều tra xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát *cùng cấp*. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát *cùng cấp* phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát *cùng cấp* là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn do Viện trưởng Viện kiểm sát *cùng cấp* giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát *cùng cấp* thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật. | **Điều 475. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủ trưởng và Thủ trưởng Cơ quan điều tra, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**  1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trừ khiếu nại về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam do Thủ trưởng Cơ quan điều tra xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền***. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn do Viện trưởng Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền*** thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp ~~hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết~~. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp~~, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao~~ phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp~~, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao~~ là quyết định có hiệu lực pháp luật. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 476. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Phó Viện trưởng và Viện trưởng Viện kiểm sát**  …  3. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu là khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thì được giải quyết:  a) Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, truy tố do Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật;  b) Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là quyết định có hiệu lực pháp luật. | **Điều 476. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Phó Viện trưởng và Viện trưởng Viện kiểm sát**  …  ~~3. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu là khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp~~ *~~tỉnh~~* ~~thì được giải quyết:~~  ~~a) Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp~~ *~~tỉnh~~* ~~trong thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, truy tố do Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật;~~  ~~b) Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp~~ *~~tỉnh~~* ~~trong thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử do Viện kiểm sát nhân dân~~ *~~cấp cao~~* ~~xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân~~ *~~cấp cao~~* ~~là quyết định có hiệu lực pháp luật.~~ | - Bãi bỏ khoản 3 do không tổ chức cấp cao, do đó Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ giải quyết khiếu nại của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh theo khoản 2 |
|  | **Điều 477. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án và Chánh án Tòa án**  1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân *cấp huyện*, Tòa án quân sự khu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân *cấp huyện*, Chánh án Tòa án quân sự khu vực giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.  Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân *cấp* *huyện*, Chánh án Tòa án quân sự khu vực thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân *cấp huyện*, Chánh án Tòa án quân sự khu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu là quyết định có hiệu lực pháp luật.  2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao*** trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án ***cấp cao*** xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao*** thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp ***tỉnh***, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật.  3. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp cao***, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm tra viên công tác tại Tòa án nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán và Thẩm tra viên công tác tại Tòa án quân sự trung ương, Phó Chánh án Tòa án quân sự trung ương do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật. | **Điều 477. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án và Chánh án Tòa án, Chánh Tòa, Phó Chánh Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao**  1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân ***khu vực,*** Tòa án quân sự khu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân ***khu vực***, Chánh án Tòa án quân sự khu vực giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.  Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân ***khu vực***, Chánh án Tòa án quân sự khu vực thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân ***khu vực***, Chánh án Tòa án quân sự khu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu là quyết định có hiệu lực pháp luật.  2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, Thẩm phán, Thẩm tra viên, ***Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp tỉnh***, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, ***Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp tỉnh***, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, ***Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến ***Chánh án Tòa án nhân dân tối cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân ***tối cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật.  Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân ***cấp tỉnh***, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, ***Chánh tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** do Chánh án Tòa án nhân dân ***tối cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân ***tối cao***, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật.  3. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ***Thẩm phán Tòa án nhân dân***, Thẩm tra viên công tác tại Tòa án nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán và Thẩm tra viên công tác tại Tòa án quân sự trung ương, Phó Chánh án Tòa án quân sự trung ương do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật. | - Điều chỉnh do không tổ chức cấp cao, cấp huyện |
|  | **Điều 481. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết tố cáo**  1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào thì người đứng đầu cơ quan đó có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân *cấp huyện*, Chánh án Tòa án quân sự khu vực thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thì Chánh án Tòa án nhân dân *cấp cao*, Chánh án Tòa án quân sự trung ương có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân *cấp cao*, Chánh án Tòa án quân sự trung ương thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền giải quyết.  Tố cáo hành vi tố tụng của người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra có thẩm quyền xem xét, giải quyết.  …  4. Tố cáo liên quan đến hành vi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố phải được Viện trưởng *Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng* Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, giải quyết trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được tố cáo. Trường hợp phải xác minh thêm thì thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo”. | **Điều 481. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết tố cáo**  1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào thì người đứng đầu cơ quan đó có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân *~~cấp huyện~~* ***khu vực***, Chánh án Tòa án quân sự khu vực thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thì Chánh án Tòa án nhân dân *~~cấp~~* ***tối cao***, *Chánh án Tòa án quân sự trung ương* có thẩm quyền giải quyết.  Trường hợp người bị tố cáo là ***Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** ~~Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao,~~ Chánh án Tòa án quân sự trung ương thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền giải quyết.  Tố cáo hành vi tố tụng của người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra có thẩm quyền xem xét, giải quyết”.  …  4. Tố cáo liên quan đến hành vi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố phải được Viện trưởng ~~Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng~~ Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, giải quyết trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được tố cáo. Trường hợp phải xác minh thêm thì thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo. | Điều chỉnh do không tổ chức cấp cao, cấp huyện, tổ chức cấp khu vực. |
|  | **Điều 483. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo**  1. Viện kiểm sát kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án *cùng cấp* *và cấp dưới.* | **Điều 483. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo**  1. Viện kiểm sát ***có thẩm quyền và Viện kiểm sát cấp trên*** kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án ***giải quyết vụ việc, vụ án*** *~~cùng cấp và cấp dưới~~.* | Luật hóa Điều 6 Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/02/2025. |
|  | **Điều 485. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ**  …  2. Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ gồm:  a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra của Công an nhân dân có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người được bảo vệ trong các vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý, giải quyết, điều tra hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân *cùng cấp*; đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; | **Điều 485. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ**  …  2. Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ gồm:  a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra của Công an nhân dân có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người được bảo vệ trong các vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý, giải quyết, điều tra hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân *~~cùng cấp~~* ***có thẩm quyền***, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp” bằng cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có thẩm quyền”. |
|  | **Điều 487. Đề nghị, yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ**  …  3. Khi tiến hành tố tụng đối với vụ án, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhận được đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ có trách nhiệm xem xét, đề nghị Cơ quan điều tra *cùng cấp* xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân *cấp cao*, Tòa án nhân dân *cấp cao* nhận được đề nghị, yêu cầu bảo vệ thì đề nghị Cơ quan điều tra *Bộ Công an* xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ**.** | **Điều 487. Đề nghị, yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ**  …  3. Khi tiến hành tố tụng đối với vụ án, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhận được đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ có trách nhiệm xem xét, đề nghị Cơ quan điều tra cùng cấpxem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân *~~cấp cao~~* ***khu vực***, Tòa án nhân dân *~~cấp cao~~* ***khu vực*** nhận được đề nghị, yêu cầu bảo vệ thì đề nghị Cơ quan điều tra *~~Bộ Công an~~* ***cấp tỉnh*** xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. | - Thay cụm từ “Viện kiểm sát cấp cao” bằng cụm từ “Viện kiểm sát khu vực”  - Thay cụm từ “Bộ Công an” bằng cụm từ “Công an cấp tỉnh” |
|  | **Điều 501. Trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ**  …  5. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ra quyết định cho thi hành hoặc không cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* gửi quyết định cho người bị yêu cầu thi hành, Viện kiểm sát nhân dân *cùng cấp*, Bộ Công an để thực hiện.  Người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân *cùng cấp* có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân *cấp cao* có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* ra quyết định.  Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân *cấp cao* trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.  6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân *cấp cao* mở phiên họp xem xét quyết định của Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* bị kháng cáo, kháng nghị.  Thủ tục xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* được thực hiện theo quy định tại Điều này.  7. Quyết định thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam có hiệu lực pháp luật gồm:  a) Quyết định của Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* không bị kháng cáo, kháng nghị;  b) Quyết định của Tòa án nhân dân *cấp cao*. | **Điều 501. Trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ**  **…**  5. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ra quyết định cho thi hành hoặc không cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* gửi quyết định cho người bị yêu cầu thi hành, Viện kiểm sát nhân dân *cùng cấp*, Bộ Công an để thực hiện.  Người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân ~~cấp~~***tối*** cao có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp tỉnh ra quyết định.  Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho ***Tòa phúc thẩm*** Tòa án nhân dân*~~cấp~~* ***tối*** cao trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.  6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có kháng cáo, kháng nghị, ***Tòa phúc thẩm*** Tòa án nhân dân *~~cấp~~* ***tối*** cao mở phiên họp xem xét quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị.  Thủ tục xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều này.  7. Quyết định thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam có hiệu lực pháp luật gồm:  a) Quyết định của Tòa án nhân dân *cấp tỉnh* không bị kháng cáo, kháng nghị;  b) Quyết định của ***Tòa phúc thẩm*** Tòa án nhân dân *~~cấp~~* ***tối*** cao. | Sửa khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 501 theo hướng chuyển thẩm quyền của cấp cao cho tối cao |
|  | **Điều 502. Các biện pháp ngăn chặn, căn cứ và thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn**  …  3. Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân *cấp tỉnh*, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân *cấp cao* quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn quy định tại khoản 1 Điều này. Thẩm phán chủ tọa phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ có quyền quyết định việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp đặt tiền để bảo đảm sự có mặt của người bị yêu cầu dẫn độ tại phiên họp. | **Điều 502. Các biện pháp ngăn chặn, căn cứ và thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn**  …  3. Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, ***Thẩm phán giữ chức vụ*** ***Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*** quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn quy định tại khoản 1 Điều này. Thẩm phán chủ tọa phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ có quyền quyết định việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp đặt tiền để bảo đảm sự có mặt của người bị yêu cầu dẫn độ tại phiên họp. | Sửa khoản 3 theo hướng chuyển thẩm quyền của cấp cao cho tối cao |
|  | **Điều 503. Bắt tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ**  …  2. Thời hạn tạm giam để xem xét yêu cầu dẫn độ không quá thời hạn trong lệnh bắt giam của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ hoặc thời hạn phải thi hành hoặc còn phải thi hành hình phạt tù trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước yêu cầu dẫn độ.  Trường hợp cần thiết, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân *cấp cao* có thể gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ ra lệnh, quyết định tạm giam hoặc gia hạn tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ để bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ; văn bản yêu cầu được gửi thông qua Bộ Công an. | **Điều 503. Bắt tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ**  …  2. Thời hạn tạm giam để xem xét yêu cầu dẫn độ không quá thời hạn trong lệnh bắt giam của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ hoặc thời hạn phải thi hành hoặc còn phải thi hành hình phạt tù trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước yêu cầu dẫn độ.  Trường hợp cần thiết, Tòa án nhân dân *cấp* *tỉnh*, Tòa án nhân dân ~~cấp~~***tối*** *cao* có thể gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ ra lệnh, quyết định tạm giam hoặc gia hạn tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ để bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ; văn bản yêu cầu được gửi thông qua Bộ Công an. | Sửa khoản 2 theo hướng chuyển thẩm quyền của cấp cao cho tối cao |
|  |  | ***Điều 2. Hiệu lực thi hành***  ***Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.*** |  |
|  |  | ***Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp***  ***Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025:***  ***1. Những vụ việc, vụ án do Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý, giải quyết nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa kết thúc thì chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Tòa án nhân dân khu vực tương ứng tiếp tục giải quyết.***  ***2. Những vụ án do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao đã thụ lý, giải quyết nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa kết thúc thì chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục giải quyết.***  ***3. Những vụ việc, vụ án do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý, giải quyết mà chưa kết thúc nhưng sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 sẽ thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Tòa án nhân dân khu vực thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục giải quyết cho đến khi kết thúc vụ án.***  ***4. Những bản án, quyết định của Tòa án về vụ án đã được xét xử trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 bị hủy để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm hoặc phúc thẩm thì xử lý như sau:***  ***a) Vụ án do Tòa án nhân dân huyện xét xử sơ thẩm thì Tòa án nhân dân khu vực nơi Tòa án nhân dân cấp huyện đó được sáp nhập xét xử sơ thẩm lại vụ án;***  ***b) Vụ án do Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử sơ thẩm hoặc xét xử phúc thẩm thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh đó hoặc Tòa án nhân dân cấp tỉnh mới nơi Tòa án nhân dân cấp tỉnh đó được sáp nhập xét xử sơ thẩm lại hoặc xét xử phúc thẩm lại vụ án;***  ***c) Vụ án do Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm thì Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm lại vụ án.*** |  |

1. Sửa đổi bổ sung năm 2021 bằng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS (Luật số 02/2021/QH15), sửa đổi bổ sung năm 2024 bằng Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (Luật số 34/2024/QH15), sửa đổi bổ sung năm 2024 bằng Luật Tư pháp người chưa thành niên (Luật số 59/2024/QH15). [↑](#footnote-ref-2)
2. “**Điều 17. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

   ***Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành thông tư để quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền*** ***hoặc được giao tại*** [Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-To-chuc-Vien-kiem-sat-nhan-dan-2014-259723.aspx" \t "_blank) và ***văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội***, Chủ tịch nước”. [↑](#footnote-ref-3)
3. Đề án“Rà soát, đánh giá những bất cập trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự liên quan đến áp dụng hình phạt tử hình và thi hành án tử hình; nghiên cứu giảm bớt tội danh bị áp dụng hình phạt tử hình; tăng cường áp dụng biện pháp chuyển đổi từ hình phạt tử hình sang hình phạt tù” được Bộ Chính trị giao VKSND tối cao chủ trì xây dựng. [↑](#footnote-ref-4)